

**CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
VẠN TÀI VĨNH
PHÚ**

PDF

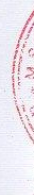
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ
DN: C=VN, S=MST:3600301244, L="Số 994, Xã Lộ Hà Nội -
Phường Bình Đa - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai",
O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI
VĨNH PHÚ, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẠN TÀI VĨNH PHÚ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ,
E=emnguyen8487@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-08 13:16:40
Foxit Reader Version: 9.0.0



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994 Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vĩnh Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Tuấn	Chủ tịch
Ông Hà Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Kiên Trung	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Ngọc Tân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2018)
Bà Trần Thị Lan	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Số: 19.215/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vĩnh Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận nợ đối với các khoản nợ phải thu tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 7,57 tỷ đồng. Với tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về công nợ phải thu vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như đã nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Bên cạnh đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí lương, trợ giá và phụ cấp cho người lao động với số tiền là 1,92 tỷ đồng. Như vậy, nếu khoản chi phí cho người lao động được ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong năm thì chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" (Mã số 131) sẽ giảm là 1,92 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm đi 1,92 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) sẽ tăng là 1,92 tỷ và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 1,92 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

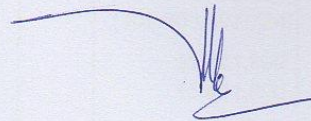
Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vĩnh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

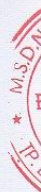
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Vĩnh Thụy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3590-2016-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.737.574.119	33.914.338.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.973.353.883	9.222.322.358
1. Tiền	111		973.353.883	1.222.322.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.042.848.261	18.478.458.664
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	11.249.738.244	10.617.692.419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.590.000	345.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	7.271.120.017	8.144.066.245
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(628.600.000)	(628.600.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		721.371.975	1.213.557.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		421.371.975	857.018.545
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.7	300.000.000	356.539.341
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.114.286.184	43.047.928.799
I. Tài sản cố định	220		31.536.906.310	27.906.279.287
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	31.536.906.310	27.906.279.287
Nguyên giá	222		140.343.600.034	137.260.672.868
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.806.693.724)	(109.354.393.581)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.401.000	11.401.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.401.000	11.401.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	12.071.594.800	15.071.594.800
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	3.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.071.594.800	12.071.594.800
IV. Tài sản dài hạn khác	260		494.384.074	58.653.712
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		494.384.074	58.653.712
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79.851.860.303	76.962.267.707

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.846.262.841	15.916.834.151
I. Nợ ngắn hạn	310		19.715.574.841	11.109.759.251
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.6	10.359.833.082	591.612.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.200.000	15.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	304.240.927	69.294.901
4. Phải trả người lao động	314	4.8	1.431.782.790	2.129.944.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	60.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		172.500.000	172.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	2.433.888.747	2.513.487.943
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	4.410.560.000	5.101.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		392.569.295	456.719.295
II. Nợ dài hạn	330		5.130.688.000	4.807.074.900
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.9	4.459.878.000	3.114.074.900
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	670.810.000	1.693.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.005.597.462	61.045.433.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11.1	55.005.597.462	61.045.433.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.11.2	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.914.269.326	1.914.269.326
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.045.605.281	14.045.605.281
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		437.414.135	437.414.135
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.391.691.280)	2.648.144.814
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.648.144.814	5.038.572.744
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.039.836.094)	(2.390.427.930)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79.851.860.303	76.962.267.707



Phê Duyệt

Nguyễn Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ
Kế toán trưởng

 301
 NG T
 PH
 PH
 AN T
 NH P
 A-T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	39.744.206.208	56.938.669.196
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.744.206.208	56.938.669.196
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	35.153.201.197	54.872.366.876
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.591.005.011	2.066.302.320
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.085.325.589	535.810.683
6. Chi phí tài chính	22	5.4	858.740.544	398.839.222
Trong đó, chi phí lãi vay	23		558.740.544	398.839.222
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.106.759.923	8.838.689.352
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.289.169.867)	(6.635.415.571)
9. Thu nhập khác	31	5.6	978.337.278	5.503.612.705
10. Chi phí khác	32	5.7	5.729.003.505	887.273.660
11. Lợi nhuận khác	40		(4.750.666.227)	4.616.339.045
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.039.836.094)	(2.019.076.526)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	119.351.404
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.039.836.094)	(2.138.427.930)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	(1.438)	(509)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.4	(1.438)	(509)



Phê Duyệt

Nguyễn Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.039.836.094)	(2.019.076.526)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	11.245.117.795	15.097.155.713
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.612.674.734)	(1.343.920.252)
Chi phí lãi vay	06	5.4	558.740.544	398.839.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.848.652.489)	12.132.998.157
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		492.149.744	3.958.536.409
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	637.393.813
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.442.607.246	(1.777.555.198)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(83.792)	750.670.871
Tiền lãi vay đã trả	14		(558.740.544)	(375.674.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(639.296.397)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(64.150.000)	(630.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.463.130.165	14.056.173.433
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.526.200.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		706.874.278	1.280.090.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.700.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.119.857.082	535.810.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.000.531.360	(3.184.098.409)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	3.587.800.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(5.300.430.000)	(8.862.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.712.630.000)	(8.862.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		7.751.031.525	2.010.075.024
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.222.322.358	7.212.247.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	16.973.353.883	9.222.322.358



Phê Duyệt

Nguyễn Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vĩnh Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Vận tải Thủy bộ Đồng Nai, được chuyển đổi thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải Sonadezi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000536 ngày 05 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải Thủy bộ Vĩnh Phú theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 3600301244 ngày 25 tháng 01 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Đỗ Thị Hồng Nhung	Việt Nam	14.999.520.000	36	14.999.520.000	36
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	Việt Nam	11.751.120.000	28	11.751.120.000	28
Công ty TNHH Vitrac Long Bình	Việt Nam	2.573.670.000	6	2.573.670.000	6
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	12.675.690.000	30	12.675.690.000	30
Cộng		42.000.000.000	100	42.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại được đặt tại Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 120 (31/12/2017: 180).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ và vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường bộ theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Đại lý du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng, nhà ở, xưởng sửa chữa, kho hàng mặt bằng, kinh doanh bất động sản khu dân cư;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Kinh doanh khai thác cảng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Điều hành tua du lịch.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, bảo hiểm tàu xe và một số chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính hoặc ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ được cung cấp.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Thuế (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động vận tải xe buýt nội ô và ngoại ô: Không chịu thuế;
- Hoạt động vận tải nội địa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	207.135.149	238.949.727
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	766.218.734	983.372.631
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	16.973.353.883	9.222.322.358

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 4,6%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VINH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Xăng dầu Vinh Phú	-	-	-	3.000.000.000	-	-
Cộng	-	-	-	3.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác:						
Công ty Cổ phần Bến Xe và Dịch vụ Vận tải Đồng Nai	1.871.594.800	-	-	1.871.594.800	-	-
Công ty TNHH Vitrac Long Bình	10.200.000.000	-	-	10.200.000.000	-	-
Cộng	12.071.594.800	-	-	12.071.594.800	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.411.177.554	4.411.177.554
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản phẩm Máy tính Fujitsu Việt Nam	1.282.138.000	1.421.255.000
Các khách hàng khác	5.556.422.690	4.785.259.865
Cộng	11.249.738.244	10.617.692.419

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi của hoạt động góp vốn từ bên có liên quan – Xem thêm mục 8	3.162.000.000	-	3.162.000.000	-
Phải thu khác:				
Phải thu tiền trợ giá xe buýt Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng	1.975.426.231	-	3.955.540.554	-
Phải thu người lao động	1.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	215.753.177	-	649.146.600	-
	817.940.609	-	377.379.091	-
Cộng	7.271.120.017	-	8.144.066.245	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	9.276.200.905	712.247.121	127.162.882.671	109.342.171	137.260.672.868
Mua trong năm	-	-	18.336.143.272	-	18.336.143.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.253.216.106)	-	(15.253.216.106)
Tại ngày 31/12/2018	9.276.200.905	712.247.121	130.245.809.837	109.342.171	140.343.600.034
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	9.169.900.904	625.012.069	99.450.138.437	109.342.171	109.354.393.581
Khấu hao trong năm	82.415.861	77.927.552	11.084.774.382	-	11.245.117.795
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(11.792.817.652)	-	(11.792.817.652)
Tại ngày 31/12/2018	9.252.316.765	702.939.621	98.742.095.167	109.342.171	108.806.693.724
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	106.300.001	87.235.052	27.712.744.234	-	27.906.279.287
Tại ngày 31/12/2018	23.884.140	9.307.500	31.503.714.670	-	31.536.906.310

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 6.186.420.180 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 107.294.381.560 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch Trương Nam Phát	141.743.982	141.743.982	263.551.336	263.551.336
Trạm xăng dầu bến xe Biên Hòa	129.875.900	129.875.900	111.460.290	111.460.290
DNTN Trạm Xăng dầu Suối Linh	13.612.000	13.612.000	2.049.130	2.049.130
Tổng công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp	-	-	188.673.515	188.673.515
Phải trả cho các đối tượng khác	74.601.200	74.601.200	25.878.600	25.878.600
Cộng	10.359.833.082	10.359.833.082	591.612.871	591.612.871

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	56.539.341	-	2.190.066.502	1.844.814.824	-	288.712.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.294.901	59.447.788	113.214.099	-	15.528.590
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.211.134.520	2.211.134.520	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	363.416.000	363.416.000	-	-
Cộng	356.539.341	69.294.901	4.827.064.810	4.535.579.443	300.000.000	304.240.927

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 năm 2018 và thưởng còn phải trả cho người lao động.

4.9. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược từ tài xế lái xe	1.120.000.000	1.870.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.313.888.747	643.237.943
Cộng	2.433.888.747	2.513.487.943
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược từ tài xế lái xe	4.459.878.000	2.552.074.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	562.000.000
Cộng	4.459.878.000	3.114.074.900

(Xem tiếp trang sau)

0307
ÔNG
PH
CƯ PH
VẬN
TINH
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VINH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.101.000.000	5.101.000.000	2.109.990.000	5.300.430.000	1.910.560.000	1.910.560.000
Cộng	5.101.000.000	5.101.000.000	4.609.990.000	5.300.430.000	4.410.560.000	4.410.560.000
Dài hạn:						
Vay ngắn hạn	-	-	888.370.000	-	888.370.000	888.370.000
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai	6.794.000.000	6.794.000.000	-	5.101.000.000	1.693.000.000	1.693.000.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.101.000.000)	(5.101.000.000)	(1.910.560.000)	(5.101.000.000)	(1.910.560.000)	(1.910.560.000)
Cộng	1.693.000.000	1.693.000.000	(1.022.190.000)	-	670.810.000	670.810.000
Tổng cộng	6.794.000.000	6.794.000.000	3.587.800.000	5.300.430.000	5.081.370.000	5.081.370.000

Vay dài hạn là các khoản vay Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai với lãi suất từ 7,5% đến 13,5%/năm, có thời hạn vay 5 năm nhằm mục đích đầu tư mua phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được thế chấp bằng tài sản có định hữu hình - Xem thêm mục 4.5.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VINH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vốn chủ sở hữu****4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2017	42.000.000.000	1.914.269.326	14.045.605.281	437.414.135	5.442.930.630
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.138.427.930)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(313.987.886)
Giảm khác	-	-	-	-	(342.370.000)
Tổng cộng	42.000.000.000	1.914.269.326	14.045.605.281	437.414.135	61.045.433.556
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-	-	(6.039.836.094)
Lỗ trong năm nay	42.000.000.000	1.914.269.326	14.045.605.281	437.414.135	(3.391.691.280)
Tổng cộng	42.000.000.000	1.914.269.326	14.045.605.281	437.414.135	55.005.597.462

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Bà Đỗ Thị Hồng Nhung	14.999.520.000	14.999.520.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	11.751.120.000	11.751.120.000
Công ty TNHH Vitrac Long Bình	2.573.670.000	2.573.670.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.675.690.000	12.675.690.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

4.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(6.141.784.245)	(2.138.427.930)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi / (Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.141.784.245)	(2.138.427.930)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.462)	(509)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	26.526.227.346	44.710.470.944
Doanh thu được trợ cấp, trợ giá	13.217.978.862	12.228.198.252
Cộng	39.744.206.208	56.938.669.196

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

- 292.181.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	893.601.889	417.124.583
Cổ tức, lợi nhuận được chia	191.723.700	118.686.100
Cộng	1.085.325.589	535.810.683

5.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	558.740.544	398.839.222
Lỗ từ chuyển nhượng vốn góp	300.000.000	-
Cộng	858.740.544	398.839.222

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.617.629.865	5.679.864.152
Chi phí vật liệu quản lý	65.015.820	161.529.851
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.329.982	251.595.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.403.329	302.576.378
Thuế, phí, lệ phí	2.454.912.423	997.087.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.342.504	720.779.515
Chi phí bằng tiền khác	209.126.000	725.256.598
Cộng	6.106.759.923	8.838.689.352

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ bồi thường, hỗ trợ	-	4.676.427.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	706.874.278	808.109.569
Thu nhập khác	271.463.000	19.076.136
Cộng	978.337.278	5.503.612.705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẠN TÀI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	5.224.828.252	-
Các khoản bị phạt	358.261.617	134.313.239
Các khoản khác	145.913.636	752.960.421
Cộng	5.729.003.505	887.273.660

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.604.373.097	12.302.474.479
Chi phí nhân công	14.925.339.640	21.903.737.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.245.117.795	15.097.155.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.648.033.535	8.130.483.476
Chi phí khác bằng tiền	3.837.097.053	6.277.205.428
Cộng	41.259.961.120	63.711.056.228

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(6.039.836.094)	(2.019.076.526)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.516.472.299	122.475.830
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(191.723.700)	(118.686.100)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(4.715.087.495)	(2.015.286.796)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung các năm trước	-	119.351.404
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	119.351.404

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Các khoản nộp phạt thuế;
- Chi phí thuê đất không đúng mục đích sử dụng;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.587.800.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(5.300.430.000)	(8.862.000.000)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Bà Đỗ Thị Hồng Nhung
2. Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú
3. Công ty TNHH Vitrac Long Bình
4. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vitrac Long Bình
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty TNHH Vitrac Long Bình	4.411.177.554	4.411.177.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty TNHH Vitrac Long Bình	3.162.000.000	3.162.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng hóa:		
Công ty TNHH Xăng Dầu Vĩnh Phú	-	2.824.473.117
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Xăng Dầu Vĩnh Phú	-	240.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	-	52.181.818
Cộng – Xem thêm mục 5.1	-	292.181.818

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	531.897.400	1.184.324.968

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	-	64.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI VINH PHÚ

Địa chỉ: Số 994, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình nhà xưởng, văn phòng, nhà kho tại khu đất số 990, Xa Lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai (*)	34.876.004.628	34.876.004.628

(*) Là giá trị tài sản theo Hợp đồng số 01/2011 ngày 23/08/2011 giữa Công ty TNHH Vitrac Long Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vinh Phú.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ
Kế toán trưởng